TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HSST
Ngày: 28/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Giàng A Chu**
2. Bà: **Mai Thị Trường**

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đỗ Mạnh Huy -Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện VKSND huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:* Ông Vũ Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 28/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2019/TLST-HS ngày 30/9/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HS ngày 16/10/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn Y;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1998, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKHKTT: xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Con ông: Lò Văn N, sinh năm 1977 và con bà Bạc Thị X, sinh năm 1978; Bị cáo có 4 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt)

*** Bị hại:** Ông **Quàng Văn T** (Đã chết).

Địa chỉ: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Quàng Văn T:

+ Bà Lường Thị O, sinh năm: 1945 (vợ ông T), nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Quàng Thị H, sinh năm 1964 (con ông T), nơi cư trú: Bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Quàng Văn T1, sinh năm 1966 (con ông T), nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Quàng Thị T2, sinh năm 1968 (con ông T), nơi cư trú: Bản N, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Quàng Văn T3, sinh năm 1972 (con ông T), nơi cư trú: Bản C, xã Ẳ, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Quàng Văn D, sinh năm 1975 (con ông T), nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Quàng Thị L, sinh năm 1978 (con ông T), nơi cư trú: Bản P, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Bà Quàng Thị Đ, sinh năm 1982 (con ông T), nơi cư trú: Bản H, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.

+ Ông Quàng Văn H1, sinh năm 1984 (con ông T), nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người được Bà Lường Thị O, Quàng Thị H, Quàng Thị T2, Quàng Văn T3, Quàng Văn D, Quàng Thị L, Quàng Thị Đ, Quàng Văn H1 (là vợ và các con bị hại) ủy quyền đại diện bị hại Quàng Văn T là ông: Quàng Văn T1, sinh năm 1966 (con ông T), nơi cư trú: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Họ và tên: Lò Thị C, Sinh năm: 1986.

Nơi cư trú: Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

Họ và tên: Lê Trung L1, sinh năm: 1968.

Nơi cư trú: Bản P, xã A, huyện M, Điện Biên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn Y bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trên cơ sở kết quả điều tra đã xác định được: Khoảng 15 giờ ngày 17/5/2019, Lò Văn Y điều khiển xa mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE α màu sơn Xanh – Đen – Bạc, biển kiểm soát X (xe mượn của chị gái họ là Lò Thị C), di chuyển theo hướng T4 => Đ1. Khi đến đoạn đường Km 31 + 485, Quốc lộ 279 thuộc địa phận bản B, xã A, huyện M là đoạn đường cong, cua, có vạch kẻ phân chia làn đường, có biển cảnh báo nguy hiểm hạn chế tốc độ. Khi đến đoạn đường cong, cua, Y nhìn thấy ông Quàng Văn T, sinh năm 1941, trú tại Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu MTV, số loại 50, màu sơn Đen, biển kiểm soát Z đang di chuyển sang đường theo hướng Đ1 => T4, khi ông T sang hết vạch kẻ làn đường theo chiều đi của mình hướng Đ1 => T4, do Y không chú ý quan sát phía trước, không làm chủ tốc độ, đi lấn sang làn đường bên trái dành cho xe chạy ngược chiều, nên phần trước bánh xe mô tô của Y đã đâm trực diện vào phần cánh yếm ngoài bên trái, trượt xuống bưởng điện bên trái xe mô tô của ông T làm hai xe đổ về phần đường bên phải theo hướng Đ1 => T4, cả Y và ông T bị ngã xuống đường. Hậu quả, Y bị thương nhẹ, ông T bị thương nặng được đưa vào Bệnh viện đa khoa huyện M cấp cứu sau đó chuyển lên bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên, đến ngày 26/5/2019 thì ông T chết, hai xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông: Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường quanh co, trải nhựa Apphan, có vạch kẻ phân chia làn đường, có biển cảnh báo nguy hiểm, hạn chế tốc độ, không bị che khuất tầm nhìn, lòng đường rộng 630cm, từ vạch phân chia làn đường đến mép đường bên phải hướng Đ1 => T4 là 323 cm, hiện trường bị xáo trộn. Tại hiện trường hai xe mô tô nằm trên phần đường bên phải theo hướng Đ1 => T4. Trên mặt đường để lại 07 vết cày xước đều theo hướng T4 => Đ1, trục trước xe mô tô mang biển kiểm soát Z đến mép lề đường là 90 cm, trục sau xe mô tô mang biển kiểm soát X đến mép phải lề đường là 76 cm, vị trí có nhiều mảnh vỡ (nhựa xe máy, dép) đến mép lề đường là 25 cm, vị trí đèn pha đến mép lề đường là 47 cm, vị trí mặt nạ trước (mảnh vỡ màu xanh) đến mép lề đường là 247cm, toàn bộ vết cày xước, mảnh vỡ, 02 xe mô tô đều nằm phần đường bên phải theo hướng Đ1 => T4.

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Xác định điểm va chạm đầu tiên của hai xe mô tô là bánh trước của xe biển kiểm soát X với cánh yếm ngoài bên trái, trượt xuống bưởng điện bên trái của xe mô tô biểm kiểm soát Z.

Kết quả khám nghiệm tử thi: Bầm tím gò má phải kích thước 4,5x4cm; hai vết thương gò má trái và thái dương trái, vết 1 kích thước 4,5x0,3cm, vết 2 kích thước 8x0,3cm; bầm tím phía sau vành tai kích thước 6x3,5cm; xương gò má trái và xương hộp sọ vùng trán thái dương trái mất vững; mở rộng vết thương ở vùng gò má và trán trái thấy bầm tím, tụ máu tổ chức phần mềm dưới da vùng gò má trái và trán thái dương trái trên diện kích thước 13x10cm; vỡ phức tạp xương gò má trái và xương trán thái dương trái thành nhiều mảnh.

Kết luận giám định pháp y số 81/TT ngày 14/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên đã kết luận nguyên nhân chết của Quàng Văn T là do chấn thương (Chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt).

Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 07/KL-HĐĐGTS ngày 13/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản theo vụ việc trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên: Kết luận xe mô tô biển kiểm soát X bị hư hỏng giá trị là 5.115.000đ (năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng); xe mô tô biển kiểm soát Z bị hư hỏng giá trị là 1.330.000đ (một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra Lò Văn Y đã khai nhận rõ hành vi phạm tội: Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ của mình.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT - VKSMA ngày 30/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn Y về tội " Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn Y. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1,2,5 điều 65 của BLHS của BLHS năm 2015: Xử phạt Lò Văn Y 15 đến 20 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 đến 40 tháng.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Áp dụng điều Điều 48 của BLHS; Điều 584, 585, 586, 589, 591, 601 BLDS: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tính mạng, tinh thần và mai táng phí của bị cáo và gia đình bị cáo với người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) theo biên bản thỏa thuận ngày 01/6/2019 và ngày 26/5/2019; đã bồi thường được 63.500.000đ (*sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường tiếp số tiền là 66.500.000đ (*sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát Z của bị hại là ông Quàng Văn T bị thiệt hại giá trị là 1.330.000đ (*một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*), bị cáo đã tự nguyện bỏ số tiền 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để sửa chữa xe,bị cáo Y và đại diện bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soat X của chị Lò Thị C bị thiệt hại giá trị 5.115.000đ (*năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*), chị C không yêu cầu bị cáo bồi thường.

*** Vật chứng**: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng và ông Quàng Văn T1, sinh năm 1966, trú tại Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là đại diện hợp pháp của gia đình bị hại chiếc xe mô tô biển kiểm soát Z cùng các giấy tờ liên quan và việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng với chị Lò Thị C, sinh năm 1986, trú tại Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát X cùng giấy tờ liên quan (theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13/8/2019).

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 190186000944 do sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/01/2018 mang tên Lò Văn Y.

*** Về án phí**: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 điều 12, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo; bị cáo không phải chịu án phí DSST có giá ngạch.

Bị cáo Lò Văn Y thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện VKSND huyện Mường Ảng, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo xin được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp cho gia đình bị hại ông Quàng Văn T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu đề nghị thêm gì đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Lò Văn Y đã khai và công nhận: Khoảng 15 giờ ngày 17/5/2019, tại km 31+485, Quốc lộ 279 thuộc địa phận

bản B, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên bị cáo Lò Văn Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát X tham gia giao thông không đi đúng phần đường quy định gây tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát Z do ông Quàng Văn T điều khiển, hậu quả ông T đã tử vong. Nguyên nhân tử vong của ông Quàng Văn T là do đa chấn thương (chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt). Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 53/CT - VKSMA ngày 30/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi bị cáo đã điều khiển xe mô tô tham gia giao thông không chú ý quan sát, không làm chủ được tốc độ, không đi đúng phần đường quy định nên đã đâm vào xe mô tô của ông Quàng Văn T điều khiển làm ông T tử vong do đa chấn thương (chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt). Hành vi của bị cáo vi phạm vào Điều 5 Thông tư số: 91/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008, tại khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ năm 2008 quy định: "*Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ*".

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở pháp lý khẳng định, hành vi trên của Lò Văn Y đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tội phạm được quy định tại điểm a khoản 1 điều 260 của BLHS năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung theo luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 đã có hiệu lực pháp luật từ 01/01/2018. Điều luật quy định:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết một người;

..."

Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Lò Văn Y về tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự 2015.

Bị cáo Lò Văn Y là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, vì vậy phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm mà bị cáo đã gây ra.

Xét về tính chất, mức độ của tội phạm, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, vì vậy buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt đến 5 năm tù.

Hậu quả của hành vi do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, bị cáo điều khiển mô tô không đúng làn đường, phần đường theo qui định. Bị cáo đã xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ và vi phạm những qui định của pháp luật về giao thông đường bộ.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Lò Văn Y sinh ra và lớn lên tại xã A, huyện M, được gia đình nuôi cho ăn học hết lớp 12/12 thì ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình, bị cáo chưa có vợ và con, bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là một thanh niên mới lớn, đã được đào tạo, thi và được cấp giấy phép lái xe, lẽ ra khi tham gia giao thông bị cáo phải nghiêm chỉnh chấp hành những qui định của pháp luật về giao thông đường bộ, nhưng khi tham gia giao thông bị cáo đã không đi đúng phần đường, làn đường theo quy định, gây tai nạn, hậu quả làm ông T tử vong. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn. Tuy nhiên tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi tai nạn giao thông xảy ra khiến ông T tử vong thì bị cáo Y và gia đình đã thỏa thuận tự nguyện bồi thường với đại diện bị hại. Ông Quàng Văn T1 đại diện cho gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đây những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015 nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng những tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào qui định tại điều 52 BLHS 2015.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo đã ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường 130.000.000^{đ} (*một trăm ba mươi triệu đồng*) cho gia đình bị hại (bị cáo đã bồi thường được 63.500.000đ; còn phải bồi thường tiếp số tiền là 66.500.000đ); Đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được qui định tại khoản 1, khoản 2 điều 51 của BLHS 2015. Để tạo điều kiện cho bị cáo học tập, lao động trong cộng đồng xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử áp dụng điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 phạt tù cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách để bị cáo có điều kiện làm ăn sinh sống, nuôi bản thân, gia đình và thực hiện số tiền bồi thường theo thỏa thuận còn lại.

Đối với Lò Thị C là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS X, đã giao xe cho bị cáo dùng làm phương tiện đi lại, hành vi không cấu thành tội phạm nên không đặt vấn đề xử lý.

* **Vật chứng của vụ án**: Áp dụng khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng và ông Quàng Văn T1, sinh năm 1966, trú tại Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là đại diện hợp pháp của gia đình bị hại chiếc xe mô tô biển kiểm soát Z cùng các giấy tờ liên quan và việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng với chị Lò Thị C, sinh năm 1986, trú tại Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát X cùng giấy tờ liên quan (theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13/8/2019).

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 190186000944 do sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/01/2018 mang tên Lò Văn Y.

* **Trách nhiệm dân sự:**

- Áp dụng Điều 48 của BLHS; Điều 584, 585, 586, 589, 591, 601 của BLDS: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tính mạng, tinh thần và mai táng phí của bị cáo và gia đình bị cáo với người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 130.000.000đ (*một trăm ba mươi triệu đồng*) theo biên bản thỏa thuận ngày 01/6/2019 và ngày 26/5/2019; đã bồi thường được 63.500.000đ (*sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*), còn phải bồi thường tiếp số tiền là 66.500.000đ (*sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát Z của bị hại là ông Quàng Văn T bị thiệt hại giá trị là 1.330.000đ (*một triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*), bị cáo đã tự nguyện bỏ số tiền 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để sửa chữa xe,bị cáo Y và đại diện bị hại không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soat X của chị Lò Thị C bị thiệt hại giá trị 5.115.000đ (*năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng*), chị C không yêu cầu bị cáo bồi thường.

*** Án phí**: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo và đại diện gia đình bị hại đã thỏa thuận với nhau việc bồi thường thiệt hại,vì vậy bị cáo không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

[2] Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo, đương sự qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Trong quá trình điều tra truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Y phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1,2,5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lò Văn Y 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/10/2019).

Giao bị cáo Lò Văn Y cho UBND xã A - huyện M - tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp Lò Văn Y thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện M, tỉnh Điện Biên thì Ủy ban nhân dân xã A - huyện M - tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Mường Ảng để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp Lò Văn Y thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 48 của BLHS; Điều 357, 584, 585,586, 591, 601 của BLDS: Công nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại tính mạng, tinh thần và mai táng phí của bị cáo và gia đình bị cáo với người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) theo biên bản thỏa thuận ngày 01/6/2019 và ngày 26/5/2019; bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường được 63.500.000đ (*sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*), Bị cáo Y còn phải bồi thường tiếp số tiền là 66.500.000đ (*sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời hạn bị cáo bồi thường số tiền còn lại chưa thực hiện theo thỏa thuận là 66.500.000đ (*sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) cho gia đình bị hại vào ngày 20/12/2019.

Đến ngày 20/12/2019 mà bị cáo chưa thực hiện xong việc bồi thường số tiền 66.500.000đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo thỏa thuận cho gia đình bị hại, thì kể từ ngày 21/12/2019 đến khi thi hành xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Vật chứng:

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015: Chấp nhận việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng và ông Quàng Văn T1, sinh năm 1966, trú tại Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là đại diện hợp pháp của gia đình bị hại chiếc xe mô tô biển kiểm soát Z cùng các giấy tờ liên quan và việc trả lại vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Ảng với chị Lò Thị C, sinh năm 1986, trú tại Bản T, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên là chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát X cùng giấy tờ liên quan (theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 13/8/2019).

Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 190186000944 do sở giao thông vận tải tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 19/01/2018 mang tên Lò Văn Y.

4. Án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12; điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo; bị cáo không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, bị cáo, người đại diện bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lò Thị C (vắng mặt tại phiên tòa) có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Cơ quan điều tra CA huyện Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Phương